SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI **Biểu số 38/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**9.374.466**	**2.923.540**	**3.944.844**	**12.200**	**1.200**	**109.842**	**408.975**	**1.178.843**	**683.846**	**494.997**	**0**
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**7.685.122**	**2.375.269**	**3.719.811**	**0**	**0**	**0**	**0**	**795.021**	**300.024**	**494.997**	**0**
1	Sở Nông nghiệp và các đơn vị trực thuộc	321.823		321.823								
2	Sở Tài nguyên MT và các đơn vị trực thuộc	42.731	15.000	27.731								
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc	81.338	20.000	61.338								
4	Sở Công thương và các đơn vị trực thuộc	68.395	50.000	18.395								
5	Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc	18.970		18.970								
6	Sở Xây dựng	12.183	1.250	10.933								
7	Sở Khoa học và các đơn vị trực thuộc	33.391		33.391								
8	BQL khu công nghiệp và các đơn vị trực thuộc	40.847	35.000	5.847								
9	Sở Văn hoá TT&DL và các đơn vị trực thuộc	102.099		102.099								
10	Đài phát thanh truyền hình	33.901		33.901								
11	Sở Giáo dục và các đơn vị trực thuộc	634.358		634.358								
12	Trường cao đẳng Yên Bái	53.718		53.718								
13	Trường Cao đẳng nghề	46.237	6.711	39.526					0			
14	Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc	634.730	12.200	622.530								
15	Sở Lao động TBXH và các đơn vị trực thuộc	141.270	28.000	113.270								
16	Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc	35.442		35.442								
17	Sở Thông tin & TT và các đơn vị trực thuộc	39.389	10.000	29.389								
18	Sở Giao thông Vận tải và các đơn vị trực thuộc	862.205	738.982	123.223								
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị trực thuộc	40.868	600	40.268								
20	Tỉnh đoàn thanh niên và các đơn vị trực thuộc	9.625		9.625								
21	Liên minh HTX và các đơn vị trực thuộc	3.906		3.906								
22	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và các đơn vị trực thuộc	169.372	15.766	153.606								
23	Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	23.111		23.111								
24	Ban dân tộc	7.545		7.545								
25	Thanh tra Tỉnh	13.566		13.566								
26	Sở Tài chính	24.713		24.713								
27	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	886		886								
28	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	8.065		8.065								
29	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	8.119		8.119								
30	Ban đại diện hội người cao tuổi tỉnh	1.361		1.361								
31	Hội nông dân tỉnh	5.654		5.654								
32	Hội Cựu chiến binh tỉnh	2.785		2.785								
33	Hội chữ Thập đỏ	3.903		3.903								
34	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật	4.318		4.318								
35	Hội đông Y	1.542		1.542								
36	Hội Nhà báo	2.712		2.712								

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
37	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh	2.188		2.188								
38	Hội khuyến học	1.045		1.045								
39	Hội cựu thanh niên xung phong	501		501								
40	Hội người mù	821		821								
41	Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	519		519								
42	Hội khác hoạt động trong phạm vi địa phương	500		500								
43	Hội Luật gia	624		624								
44	Đề án, nhiệm vụ khác của tỉnh giai đoạn 2021-2025	33.489		33.489								
45	Tòa án nhân dân tỉnh	350		350								
46	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	200		200								
47	Viên kiểm sát nhân dân tỉnh	250		250								
48	Liên đoàn lao động tỉnh	5.350	5.000	350								
49	Văn phòng CĐĐP Chương trình nông thôn mới	950		950								
50	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch		10.000									
51	Cục thống kê tỉnh	977		977								
52	Trung tâm phát triển quỹ đất		300									
53	Công an tỉnh	38.615	18.000	20.615								
54	Dự toán chi của các cơ quan Đảng cấp tỉnh	225.548		225.548								
55	Ban Quản lý ĐT xây dựng tỉnh Yên Bái	861.239	861.239									
56	Chi thực hiện các chính sách, nhiệm vụ khác của ngân sách cấp tỉnh	1.376.535	547.221	829.314								
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY**	**12.200**			**12.200**							
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**1.200**				**1.200**						
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**109.842**					**109.842**					
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	**408.975**						**408.975**				
VI	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN**	**1.157.127**	**548.271**	**225.034**					**383.822**	**383.822**		
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**											